

Các yếu tố ảnh hưởng tới nhu cầu tham gia và xây dựng nhãn hiệu tập thể của rau má Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

LÊ HỒNG XUÂN*
DIỆP THANH TÙNG**

Tóm tắt

Qua điều tra 213 hộ sản xuất rau má và sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên, nghiên cứu đã nêu bật thực trạng sản xuất rau má tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, từ đó phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia xây dựng nhãn hiệu tập thể (NHTT) và mức sẵn lòng chi trả của người nông dân khi sử dụng NHTT rau má ở Huyện. Trên cơ sở này, nhóm tác giả đề xuất một vài giải pháp nhằm thúc đẩy sử dụng NHTT rau má Châu Thành, giúp người nông dân sản xuất ổn định và bền vững cây rau má.

Từ khóa: nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, sẵn lòng chi trả, rau má Châu Thành

Summary

Based on the survey of 213 vegetable growers and using the CVM methodology, the study clarifies the status of centella asiatica production and analyzes a number of factors that influence the intention to participate in collective mark and the level of farmers' willingness to pay for collective mark in Chau Thanh, Tien Giang province. From there, several suggestions are proposed to promote the establishment of collective mark, supporting farmers to produce centella asiatica sustainably.

Keywords: trademark, collective mark, available for payment, centella asiatica in Chau Thanh

GIỚI THIỆU

Huyện Châu Thành có diện tích và sản lượng rau má lớn nhất tỉnh Tiền Giang, nhưng chưa có vị thế trên thị trường do chưa có NHTT. Quyết định số 1332/QĐ-UBND, ngày 28/05/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã quy hoạch vùng chuyên canh rau má tại các xã Tam Hiệp, Tân Lý Đông, Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành. Quyết định này là cơ hội để rau má Châu Thành phát triển về diện tích, sản lượng và nhận được sự hỗ trợ đầu tư của chính quyền các cấp.

Trong khuôn khổ bài viết này, nhóm tác giả muốn tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia NHTT và mức sẵn lòng chi trả của nông hộ, đây là nền tảng cho việc thúc đẩy xây dựng NHTT rau má chuyên canh tại Huyện trong thời gian tới, góp phần nâng cao giá trị kinh tế cho cây rau má nói chung và thu nhập người dân nói riêng.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Theo Nghị định số 63/CP, ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp: “NHTT là nhãn hiệu hàng hóa được tập thể, các cá nhân, pháp nhân hoặc các chủ thể khác cùng sử dụng. Trong đó, mỗi thành viên sử dụng một cách độc lập theo quy chế do tập thể đó quy định”.

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 tiếp tục bổ sung định nghĩa này: “NHTT là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng

* Trung tâm Quan hệ Doanh nghiệp và Tư vấn Tuyển sinh - Trường Đại học Tiền Giang

Email: lehongxuan@tgu.edu.vn

** Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 12/07/2017; Ngày phản biện: 17/08/2017; Ngày duyệt đăng: 25/08/2017

hóa hoặc dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hóa/dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó”.

Nhìn chung, có thể hiểu NHTT là các dấu hiệu phân biệt nguồn gốc địa lý, nguyên vật liệu, mô hình sản xuất hoặc có các đặc tính chung khác của hàng hóa hoặc dịch vụ của các doanh nghiệp khác nhau cùng sử dụng NHTT. Chủ sở hữu có thể là các hiệp hội mà các doanh nghiệp là thành viên, hoặc các chủ thể khác là một tổ chức công hay hợp tác xã. NHTT có thể coi là công cụ hữu hiệu hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhà sản xuất nhỏ lẻ, bà con nông dân vượt qua những thách thức về quy mô nhỏ để tham gia tạo lập thị trường.

Mô hình nghiên cứu

Tác giả sử dụng mô hình hồi quy nhị phân để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân trong việc xây dựng NHTT rau má Châu Thành:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \dots + \beta_n X_n + \alpha$$

Trong đó:

β_0 : hệ số tự do

$\beta_1, \beta_2, \dots, \beta_n$: các hệ số hồi quy riêng

α : sai số ngẫu nhiên

Biến phụ thuộc là sự tham gia, trong đó có giá trị là 1 nếu người nông dân trồng rau có ý định tham gia và là 0 nếu họ không có ý định tham gia xây dựng NHTT rau má Châu Thành.

Đối với các biến độc lập, qua khảo sát 5 ý kiến chuyên gia và tìm hiểu thêm nghiên cứu của Nguyễn Văn Song (2014), Vương Quốc Duy và Đặng Hoàng Trung (2015), Hồ Ngọc Cường (2010)...., nhóm tác giả kỳ vọng 8 yếu tố sau: Tuổi, Giới tính, Trình độ học vấn, Thu nhập từ rau má, Diện tích trồng rau má, Kinh nghiệm trồng rau má, Tiếp cận tín dụng và Khuyến nông, là các yếu tố có thể ảnh hưởng đến ý định tham gia của người dân trong việc xây dựng NHTT rau má Châu Thành.

Phương pháp nghiên cứu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo kinh tế - xã hội huyện Châu Thành và báo cáo từ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang năm 2015. Số liệu sơ cấp được thu thập từ tháng 11/2016 đến tháng 01/2017 qua khảo sát 213 nông hộ trồng rau má tại 3 xã có chuyên canh loại rau này là xã Tân Lý Đông (43 mẫu), xã Tam Hiệp (85 mẫu) và xã Tân Cửu Nghĩa (85 mẫu) tỉnh Tiền Giang.

Để phân tích và xử lý số liệu, các phương pháp nghiên cứu truyền thống được sử dụng, như: thống kê mô tả, phân tích số liệu, phương pháp định tính. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp phân tích mô hình hồi quy để đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia NHTT và mức sẵn lòng chi trả để tham gia NHTT rau má Châu Thành, Tiền Giang (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Hiện trạng sản xuất rau má tại huyện Châu Thành, tỉnh tiền Giang

Theo kết quả điều tra thực tế tại huyện Châu Thành, hầu hết những hộ trồng rau má tại đây có độ tuổi bình

quần 48.4 tuổi, số năm tham gia trồng rau má trung bình là 7.3 năm. Điều này cho biết, hầu hết các hộ trồng rau má ở đây đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong trồng trọt, đây là một yếu tố thuận lợi của các hộ để tăng hiệu quả sản xuất.

Một lý do để nông hộ chọn trồng rau má là không cần nhiều lao động nên có thể sử dụng lao động sẵn có trong gia đình. Trung bình một hộ có tổng nhân khẩu là 4.2 người, thì có 2.8 người trong độ tuổi lao động và 1.8 người trong số đó tham gia trồng rau má.

Nhìn chung, tất cả các hộ sản xuất rau má tại Huyện theo phương thức chuyên canh. Trong đó: 44.1% nông hộ có diện tích canh tác từ 2,000m² đến dưới 4,000m²; 21.1% hộ có diện tích canh tác 4,000m² đến dưới 6,000m²; 18.3% hộ có diện tích dưới 2,000m² và chỉ 16.5% nông hộ có trên 6,000m² diện tích đất canh tác.

Mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia NHTT

Kết quả hồi quy Bảng 1 cho thấy, các biến được đưa vào mô hình giải thích được 78% các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia NHTT. Có 4 biến không có ý nghĩa thống kê là X1 (Tuổi), X5 (Diện tích trồng rau), X6 (Kinh nghiệm), X8 (Tiếp cận tín dụng). 4 biến còn lại đạt ý nghĩa thống kê bao gồm: X2 (Giới tính), X3 (Học vấn), X4 (Thu nhập từ rau má), X7 (Khuyến nông). Trong đó:

- Giới tính có ảnh hưởng đến ý định tham gia NHTT của nông hộ. Qua khảo sát của nhóm tác giả, số lượng nam giới tham gia trồng rau má nhiều hơn nữ giới. Nguyên nhân chính là do huyện Châu Thành liền kề 2 khu công nghiệp lớn (Tân Hương và Long Giang) và Cụm Công nghiệp Mỹ Tho, nên đại bộ phận phụ nữ của Huyện đều đi làm trong các khu, cụm công nghiệp để tăng thu nhập và mang lại nguồn thu ổn định cho gia đình. Hơn nữa, nữ giới thuận lợi hơn nam giới khi xin việc tại các khu, cụm công nghiệp do đa số ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp là may quần áo, da giày, chế biến nông sản, thủy sản..., đây đều là những công việc không đòi hỏi nhiều sức mạnh cơ bắp mà cần sự tỉ mỉ.

- Trình độ học vấn của nông hộ càng cao, thì khả năng tiếp cận xu hướng phát triển càng tốt. Nếu như chỉ có 3 trong tổng số người được hỏi có trình độ giáo dục bậc tiểu học tham gia NHTT (đạt tỷ lệ 12%), thì tỷ lệ này ở người có trình

độ trung học chiếm 96.4% và đặc biệt, 100% người có trình độ trung cấp - cao đẳng, đại học đồng ý tham gia xây dựng NHTT rau má Châu Thành.

- Thu nhập từ rau má có mối liên hệ chặt chẽ với ý định tham gia xây dựng NHTT. Những nông hộ có thu nhập từ rau má càng cao, thì càng có ý định tham gia NHTT, bởi họ cho rằng tham gia xây dựng NHTT là điều rất cần thiết và nên tiến hành ngay để rau má bán được giá cao, ổn định; được tiêu thụ dễ dàng hơn; được kiểm soát về chất lượng và nâng cao danh tiếng, vị thế rau má Châu Thành.

- Khuyến nông có tác dụng rất lớn trong quá trình truyền bá kiến thức, kinh nghiệm của cán bộ khoa học đến người nông dân và huấn luyện tay nghề cho nông dân, làm cho họ có khả năng tự giải quyết vấn đề, từ đó phát triển sản xuất, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần. Các kiến thức được hỗ trợ trong sản xuất rau má, như: bón phân, xịt thuốc, phòng chống dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu... đang là vấn đề được nông dân quan tâm.

Mô hình hồi quy mức sẵn lòng chi trả để mua NHTT cho rau má

Theo Bảng 2, $R^2 = 0.456$ cho biết, các biến đưa vào mô hình giải thích được 45.6% sự thay đổi của mức sẵn lòng chi trả. Cả 8 biến đưa vào mô hình đều đạt ý nghĩa thống kê. Trong đó:

Đối với biến X1 (Tuổi), qua khảo sát thực tế, mức sẵn lòng trả cao nhất của nông hộ là 90.000-100.000 đồng/công/năm, mà 44.8% là các hộ từ 46-55 tuổi, 26.7% các hộ lớn hơn 55 tuổi, 22.8% các hộ từ 36-45 tuổi và 5.7% các hộ từ 25-35 tuổi. Như vậy, các hộ có độ tuổi càng lớn, thì mức sẵn lòng chi trả càng cao. Có thể giải thích điều này là do những nông dân lớn tuổi thường ở nhà làm nông nghiệp, không đi làm thêm, hoặc không lao động tại các khu, cụm công nghiệp như người trẻ tuổi, nên không có thu nhập nào khác ngoài trồng rau má.

Về biến X2 (Giới tính), nam giới có mức sẵn lòng trả cao hơn nữ giới. Ở mức 90.000-100.000 đồng/công/năm là mức chi phí phải trả cao nhất mà tác giả đưa ra trong quá trình tham khảo nhiều ý kiến chuyên gia và nông dân, thì chỉ có 37% nữ đồng ý chi trả, trong khi đó ở nam giới tỷ lệ đồng ý là 58%.

Biến X3 (Trình độ học vấn) qua khảo sát cho thấy, nông hộ có trình độ cấp tiểu học và trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đồng ý mức trả cao nhất khi sử dụng

BẢNG 1: KẾT QUẢ HỒI QUY HÀM NHTT PHỤ THUỘC VÀO CÁC BIẾN GIẢI THÍCH

Các biến độc lập		Hệ số tương quan
X1	Tuổi (tuổi hiện tại của đáp viên)	-.078
X2	Giới tính (1 nếu là chủ hộ là nam, 0 nếu chủ hộ là nữ)	-2.720**
X3	Trình độ học vấn (trình độ học vấn của đáp viên)	1.191***
X4	Thu nhập từ rau má (thu nhập từ rau má chiếm bao nhiêu % trong tổng thu nhập)	.195***
X5	Diện tích trồng rau má (tổng diện tích trồng rau má của đáp viên)	.000
X6	Kinh nghiệm trồng rau má (tổng số năm trồng rau má của đáp viên)	.070
X7	Khuyến nông (1 nếu có tham gia tập huấn khuyến nông, 0 nếu không tham gia)	-2.578*
X8	Tiếp cận tín dụng (1 nếu có vay, mượn tiền; 0 nếu không vay, mượn tiền)	2.907
Hằng số		-13.992
N		213
-2 Log likelihood		47.595
Cox & Snell R ²		0.415
Nagelkerke R ²		0.78

Ghi chú: ***, **, *: có ý nghĩa thống kê tại mức tin cậy tương ứng là 99%, 95%, 90%.

BẢNG 2: KẾT QUẢ HỒI QUY HÀM NHTT PHỤ THUỘC VÀO CÁC BIẾN GIẢI THÍCH

Các biến		Hệ số tương quan
Hằng số		4.445
X1	Tuổi (tuổi hiện tại của đáp viên)	.005***
X2	Giới tính (1 nếu là chủ hộ là nam, 0 nếu chủ hộ là nữ)	-.290*
X3	Trình độ học vấn (trình độ học vấn của đáp viên)	-.097*
X4	Thu nhập từ rau má (thu nhập từ rau má chiếm bao nhiêu % trong tổng thu nhập)	-.032**
X5	Diện tích trồng rau má (tổng diện tích trồng rau má của đáp viên)	2.139E-005**
X6	Kinh nghiệm trồng rau má (tổng số năm trồng rau má của đáp viên)	.004***
X7	Khuyến nông (1 nếu có tham gia tập huấn khuyến nông, 0 nếu không tham gia)	.868***
X8	Tiếp cận tín dụng (1 nếu có vay, mượn tiền; 0 nếu không vay, mượn tiền)	-.668***
N		213
R		0.675
R ²		0.456

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Ghi chú: ***, **, *: có ý nghĩa thống kê tại mức tin cậy là 99%, 95%, 90% tương ứng.

NHTT với tỷ lệ 58.3%. Ở trình độ học vấn trung học cơ sở và trung học phổ thông, số hộ nông dân đồng ý mức trả cao nhất khi sử dụng NHTT lần lượt chiếm tỷ lệ 50.6% và 42.8%. Điều này có thể là do: các nông hộ có trình độ học vấn thấp (tiểu học) đa phần là lớn tuổi, có diện tích đất lớn và thường xuyên tham gia tập huấn khuyến nông, nên có ý thức tham gia sử dụng NHTT; còn các nông hộ có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên thì có kiến thức được đào tạo tốt trong nhà trường và khả năng tiếp cận thị trường nhanh, nên sẵn lòng đóng góp cao để được sử dụng NHTT.

Biến X4 (Thu nhập từ rau má) cũng ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả. Khi nông hộ có thu nhập từ rau má càng lớn, họ sẽ sẵn sàng chi nhiều tiền để sử dụng NHTT nhằm ổn định sản xuất và tăng thu nhập trong tương lai.

Còn biến X5 (Diện tích trồng rau má), khảo sát thực tế của nhóm tác giả cho biết, mức sẵn lòng trả cao là nông hộ có diện tích từ 4.000-6.000m² (chiếm 83.3%) và diện tích lớn hơn 6.000m² (chiếm 84.2%). Diện tích lớn đồng nghĩa sản lượng rau má sản xuất trong 1 vụ nhiều, đặc tính trồng chuyên canh và cho sản phẩm sau 1-1.5 tháng sau khi thu hoạch, nên tham gia NHTT là một trong những cách giúp người nông dân bán được hết sản phẩm rau và cho thu nhập ổn định, đặc biệt là vào mùa mưa.

Với biến X6 (Kinh nghiệm trồng rau má), người nông dân trồng rau má càng lâu sẽ càng tích lũy nhiều kiến thức cũng như biết cách làm sao cho rau má có sản lượng cao nhất, vì thế họ rất muốn có một giải pháp tiêu thụ rau càng nhiều, giá càng cao càng tốt, nhất là vào mùa mưa rau thường không bán được hoặc nếu bán được giá rất thấp. Do đó, tham gia NHTT là điều họ mong muốn.

Về biến X7 (Khuyến nông), có 20% hộ không tham gia các lớp tập huấn khuyến nông tại Huyện và có mức sẵn lòng chi trả thấp hơn các hộ có tham gia. Đa số các hộ không tham gia tập huấn vì không muốn đóng góp nhiều do chưa biết được kết quả sau khi tham gia có tốt hơn hiện tại hay không? Họ cho rằng, nếu sau khi tham gia NHTT, giá rau má cao, ổn định và sản lượng tiêu thụ được hết trong mùa mưa, thì sẽ sẵn lòng đóng góp ở mức phí cao hơn. Điều này chứng tỏ một số người nông dân đã biết về NHTT, nhưng họ chưa thật sự tin tưởng.

Cuối cùng là biến X8 (Tiếp cận tín dụng), khảo sát cho biết 11% số hộ nông dân tham gia tín dụng qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thực tế cho thấy, sản xuất rau má không tốn nhiều chi phí, thông thường người nông dân mua phân bón, thuốc trừ sâu nhưng nợ lại đại lý cung cấp; chi phí công làm cỏ, cắt rau cũng nợ cho đến khi thu hoạch xong mới trả vì khoảng thời gian thu hoạch rau khá ngắn nên các nông hộ không cần vay mượn tiền. Khi được hỏi trong thời gian tới nông hộ muốn vay tiền hay không, chỉ 6% nông hộ trả lời muốn vay tiền, nhưng không phải

để mua phân bón, thuốc hay trả công lao động phục vụ sản xuất rau má, mà là tăng diện tích trồng rau má. Như vậy, rau má là cây trồng không tốn nhiều chi phí.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Qua nghiên cứu của nhóm tác giả, các nhân tố Giới tính, Trình độ học vấn, Thu nhập từ rau má và Khuyến nông có ảnh hưởng đến việc tham gia NHTT rau má tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Còn mức sẵn lòng chi trả của nông dân khi tham gia NHTT thì phụ thuộc vào Tuổi, Giới tính, Trình độ học vấn, Thu nhập từ rau má, Diện tích trồng rau, Kinh nghiệm trồng rau, Khuyến nông và Tiếp cận tín dụng.

Từ đó, để thu hút người nông dân tham gia xây dựng và sử dụng NHTT rau má Châu Thành, nhóm tác giả đưa ra một vài gợi ý giải pháp như sau:

Một là, chính quyền địa phương cần có biện pháp nâng cao nhận thức của người nông dân trong công tác tham gia xây dựng và sử dụng NHTT rau má Châu Thành, Tiền Giang thông qua các hình thức tuyên truyền, tập huấn.

Hai là, khôi phục Hợp tác xã rau an toàn Thân Cửu Nghĩa và có biện pháp hỗ trợ cho hợp tác xã phát triển bền vững nhằm tiêu thụ tốt hơn sản lượng rau của Huyện nói chung và rau má nói riêng.

Ba là, chính quyền địa phương cần tìm hiểu các thủ tục hành chính và các bước cần thiết để phối hợp với chính quyền các cấp tiến hành nhanh đăng ký NHTT rau má Châu Thành, đây là cơ hội cho cây rau má của Huyện phát triển tốt và bền vững trong thời gian tới. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2005). *Luật Sở hữu trí tuệ*, Luật số 50/2005/QH11, ngày 29/11/2015
2. Chính phủ (1996). *Nghị định số 63/CP*, ngày 24/10/1996 quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp
3. UBND tỉnh Tiền Giang (2015). *Quyết định số 1332/QĐ-UBND*, ngày 28/05/2015 quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
4. Hồ Ngọc Cường (2010). *Nghiên cứu nhu cầu xây dựng NHTT và phát triển kênh tiêu thụ sản phẩm gồm Phù Lãng, huyện Quế Võ, Bắc Ninh*, Luận văn tốt nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
5. Vương Quốc Duy, Đặng Hoàng Trung (2015). Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ chăn nuôi heo trên địa bàn quận Ô Môn, Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ*, số 36, 42-51
6. Phan Bảo Lâm (2013). *Phân tích hiệu quả sản xuất rau má ở huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang*, Luận văn tốt nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ
7. Nguyễn Văn Song và cộng sự (2014). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia xây dựng và sử dụng NHTT tại Thái Thụy của hộ trồng tỏi tỉnh Thái Bình, *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, số 8, 1342-1350